

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 47-TC/ST

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 5 tháng 12 năm 1959

THÔNG TƯ

Quy định một số điểm cụ thể về việc thu thuế lợi tức doanh nghiệp và thuế doanh nghiệp đối với các tổ chức hợp tác thủ công nghiệp và tiểu thương

Căn cứ Nghị quyết của Hội nghị Thường vụ Hội đồng Chính phủ và Nghị định số 425 ngày 01-12-1959 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính quy định dưới đây một số điểm cụ thể về việc thu thuế lợi tức doanh nghiệp và thuế doanh nghiệp đối với các tổ chức hợp tác thủ công nghiệp và tiểu thương.

1. Về tỷ lệ huy động cố định (nói trong điều 3 bảng quy định tạm thời biện pháp thu thuế đối với Hợp tác xã thủ công).

- Nhằm khuyến khích phát triển sản xuất, cải tiến kỹ thuật, tỷ lệ huy động này được cố định trong thời gian từ đầu 1959 cho đến khi có chính sách thuế lợi tức mới đối với Hợp tác xã.

- Tỷ lệ huy động cố định tính riêng cho từng tổ chức hợp tác theo phương pháp sau:

- Căn cứ tình hình kinh doanh 06 tháng kể từ khi tổ chức hợp tác bắt đầu sản xuất kinh doanh, tìm ra thực lãi chịu thuế bình quân một xã viên (có trừ phí tồn sinh hoạt theo thể lệ hiện hành). (Riêng đối với các tổ chức hợp tác hoạt động trước năm 1959 thì thời gian 06 tháng tính từ tháng 01-1959).

- Đối chiếu thực lãi bình quân nói trên (sau khi quy ra cả năm theo thể lệ hiện hành) với biểu thuế lợi tức công nghiệp tìm ra số thuế một xã viên phải đóng.

- Chia số thuế 1 xã viên phải đóng cho số thực lãi bình quân 1 xã viên thành tỷ lệ huy động cố định cho tổ chức hợp tác.

Trong trường hợp nhiều tổ chức hợp tác sát nhập thành một tổ chức mới thì tỷ lệ huy động sẽ được tính lại căn cứ vào những số thực lãi đã dùng làm cơ sở để tìm tỷ lệ

huy động của những tổ chức hợp tác cũ.

2. Về thời hạn thu thuế:

Để thuận tiện cho việc đóng góp của tổ chức hợp tác, nay quy định:

- Đối với tổ chức hợp tác thủ công, thuế lợi tức tạm thu hàng tháng hay 03 tháng một lần, do chính quyền địa phương quyết định, việc thanh toán thuế sẽ tiến hành vào mỗi kỳ quyết toán lỗ lãi (03 tháng hoặc 06 tháng hoặc một năm) tùy theo nội quy của tổ chức hợp tác.
- Đối với các tổ chức hợp tác tiểu thương, thuế lợi tức nộp dứt khoát hàng tháng, cuối năm không phải kê khai tính lại thuế nữa.

3. Về việc miễn giảm thuế:

Thi hành điều 5 quy định nguyên tắc miễn giảm thuế cho những xã viên đời sống khó khăn, nay qui định cụ thể: Trong các tổ chức hợp tác, có những xã viên thu nhập bình quân nhân khẩu thấp, nằm trong diện miễn giảm thuế lợi tức và thuế doanh nghiệp theo tiêu chuẩn chung áp dụng cho hộ cá thể ở địa phương, thì xã viên đó cũng được miễn giảm về thuế lợi tức và thuế doanh nghiệp. Về thuế lợi tức sẽ miễn giảm cho xã viên đó trong phạm vi số thuế tính trên thu nhập của người ấy. Về thuế doanh nghiệp sẽ miễn giảm cho xã viên đó trong phạm vi số thuế doanh nghiệp tính trên doanh thu bình quân đầu người của tổ chức hợp tác. Sau khi tính toàn bộ số thuế của tổ chức hợp tác, sẽ tính trừ ra phần được miễn giảm để lại cho cá nhân xã viên được chiếu cố.

Về thuế doanh nghiệp đối với tổ chức hợp tác, căn cứ tinh thần những qui định hiện hành, chính quyền địa phương cần xét miễn trong các trường hợp sau:

- Đối với các tổ chức hợp tác, tập hợp những thành phần nghèo, khi cá thể không đóng thuế, hiện nay qui mô kinh doanh nhỏ và thu nhập thấp, thì nay tổ chức hợp tác đó vẫn tiếp tục được miễn thuế doanh nghiệp.
- Đối với những người thợ không có vốn, không có công cụ sản xuất, hoạt động có tính chất làm công cho Mậu dịch khi cá thể được miễn thuế doanh nghiệp, nay được tổ chức lại thì tổ chức hợp tác cũng tiếp tục được miễn thuế doanh nghiệp.

4. Về phạm vi áp dụng các biện pháp tính thuế mới: